

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. GIỚI THIỆU

1. Khái quát về dự án

- Tên dự án: Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy.

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh Tuyên Quang.

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Dự án nhóm: Nhóm A.

- Tổng mức đầu tư: 14.802.262.000.000 đồng (*Mười bốn nghìn tám trăm linh hai tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu đồng*).

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

- Địa điểm đầu tư dự án: các xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy và Phương Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

- Loại, cấp công trình: Công trình đường bộ đường ô tô cao tốc, cấp I.

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương.

- Thời gian thực hiện dự án: 2025-2030

- Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng chiều dài tuyến khoảng 57,87 Km.

- Đường bộ cao tốc thiết kế theo theo TCVN5729-2012.

- Quy mô mặt cắt ngang 04 làn xe, $B_{\text{tên}} = 25,25\text{m}$ (Bao gồm: 04 làn xe $B_{\text{làn}} = 4 \times 3,75\text{m}$; 02 làn dừng khẩn cấp $B = 2 \times 3\text{m}$; $B_{\text{lê}} = 2 \times 0,75\text{m}$; Dải phân cách $B = 0,75\text{m}$; $B_{\text{rộng dải an toàn giữa}}$ $B_{\text{at}} = 2 \times 1\text{m}$).

+ Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1 (Km27+295) - thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm cuối: Km162+164 (tại Km307+500 lý trình QL2) kết nối với khu kinh tế Thanh Thủy, cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

2. Khát quát về gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo NCKT, Cẩm cọc GPMB và Mốc lộ giới.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hỗn hợp
- + Tư vấn khảo sát, Thẩm cọc GPMB và Mốc lộ giới: Theo đơn giá cố định.
- + Lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Trọn gói
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ quý I/2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 120 ngày.

3. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc khảo sát, Thẩm cọc GPMB, Mốc lộ giới và lập báo cáo NCKT Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về khảo sát, thiết kế hiện hành và phù hợp với quy mô dự án, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được phê duyệt.

II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Sự cần thiết đầu tư

Hoàn chỉnh tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang được Thủ tướng phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và điều chỉnh Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 3/1/2025.

Tuyến Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 2), đoạn Tân Quang đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy sau khi hoàn thành tạo không gian phát triển mới cho tỉnh Tuyên Quang nói riêng và cả nước nói chung tăng cường kết nối liên kết vùng góp phần cải thiện năng lực vận tải cạnh tranh của nền kinh tế đóng góp tăng trưởng xuất nhập khẩu thông thương với nước bạn Trung Quốc. Tăng khả năng kết nối với các tỉnh trung, du, miền núi phía bắc, đồng bằng sông hồng và các khu kinh tế cửa khẩu, thúc đẩy lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội qua cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy sang cửa khẩu Thiên Bảo của tỉnh Châu Vân Sơn (Trung Quốc) và ngược lại. Đồng thời, phá thế độc đạo của QL2, kết nối với các quy hoạch, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp Bình Vàng, Cao nguyên đá Đồng Văn, di sản ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, kết nối với các quốc lộ, đường tỉnh như QL4, QL279, QL2. QL34, ĐT177, ĐT184... Đầu tư giai đoạn 2 đến cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy Việt Nam và Thiên Bảo của Trung Quốc.

Hoàn thiện mạng lưới giao thông quốc gia vùng biên giới chiến lược về an ninh quốc phòng.

2. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế chính được áp dụng

- Công tác trắc địa trong xây dựng: TCVN 9398:2012;
- Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000: TT 68/2015/BTNMT;
- Tiêu chuẩn cơ sở: Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát TCCS31-

2020/TCĐB;

- Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu TCCS41:2022/TCĐBVN; Quyết định số 1365/QĐ-CĐBVN ngày 30/11/2022 của Cục Đường bộ Việt Nam về việc công bố sửa đổi TCCS41:2022/TCĐBVN;

- Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845:2013;
- Quy trình đánh giá tác động của môi trường khi lập dự án khả thi và thiết kế xây dựng các công trình giao thông 22TCN 242-98;
- Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế TCVN 5729:2012;
- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN4054:2005;
- Đường giao thông nông thôn – Tiêu chuẩn thiết kế TCVN10380:2014;
- Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN13592:2022;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, văn bản hiện hành khác.

3. Phạm vi công việc tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi

3.1. Phạm vi khảo sát:

- Địa điểm khảo sát các Xã Tân Quang, Linh Hồ, Vị Xuyên, Phú Linh, Thanh Thủy và Phương Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.

- Chiều dài khảo sát tuyến khoảng: 57,87 Km.

+ Điểm đầu: Km104+295 trùng với điểm cuối dự án Giai đoạn 1 (Km27+295) - thuộc xã Tân Quang, tỉnh Tuyên Quang.

+ Điểm cuối: Km162+164 (tại Km307+500 lý trình QL2) kết nối với khu kinh tế Thanh Thủy, cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy - thuộc xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang.

3.2. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

Nội dung Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các quy định khác có liên quan

3.3. Mô tả các nhiệm vụ: Trên cơ sở khối lượng công việc dự kiến nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu E-HSMT và hiện trường để đưa ra giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác, tổ chức và nhân sự thực hiện gói thầu.

1.1.1.1. Quy mô mặt cắt ngang:

- Đường bộ cao tốc: Quy mô mặt cắt ngang 04 làn xe, $B_{nền} = 25,25m$; $V_{tk} = 100km/h$. (Bao gồm: 04 làn xe $B_{làn} = 4 \times 3,75m$; 02 làn dừng khẩn cấp $B = 2 \times 3m$; $B_{lê} = 2 \times 0,75m$; Dải phân cách $B = 0,75m$; Bề rộng dải an toàn giữa $B_{at} = 2 \times 1m$).

- Đường ngang: Quy mô đường theo quy hoạch.

- Đường gom: Được xây dựng tối thiểu theo quy mô đường giao thông nông thôn loại B ($B_{nền} = 5,0m$, $B_{mặt} = 3,5m$); đoạn đi trùng đường hiện trạng, thực hiện

theo quy mô đường hiện tại.

1.1.1.2. Mặt đường:

Mặt đường cấp cao A1.

1.1.1.3. Công trình cầu:

Thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 11823-1:2017 đến TCVN 11823-14:2017 với khổ cầu phù hợp khổ nền đường.

1.1.1.4. Nút giao:

Thiết kế các nút giao liên thông, trực thông và điểm ra vào cao tốc (cầu vượt hoặc hầm chui giao thông dân sinh) trên tuyến.

1.1.1.5. Tàn suất lũ thiết kế:

- Tuyến chính: Thiết kế đảm bảo tàn suất $P = 1\%$.

- Đường gom, đường hoàn trả và đường ngang: Tàn suất thiết kế theo quy định của cấp đường hoặc phù hợp với hiện trạng khai thác.

1.1.1.6. Giải pháp thiết kế

1.1.1.6.1. Hướng tuyến, bình đồ

- Hướng tuyến: Hướng tuyến đi theo tuyến đã được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 và Nghị quyết Quyết định chủ trương đầu tư số 97/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 đảm bảo tiêu chuẩn đường cao tốc, cấp kỹ thuật $V_{tk}=100\text{km/h}$ (TCVN 5729-2012).

- Bình diện tuyến thiết kế đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật của cấp đường, phù hợp với các quy hoạch có liên quan, giảm thiểu tối đa khối lượng giải phóng mặt bằng.

1.1.1.6.2. Trắc dọc

Thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của tuyến đường, đáp ứng yêu cầu tại các vị trí giao cắt với đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường xã và yêu cầu tỉnh không thông thuyền.

1.1.1.6.3. Trắc ngang

a. Tuyến chính

$B_{nền} = 25,25\text{m}$ (Bao gồm: 04 làn xe $B_{làn} = 4 \times 3,75\text{m}$; 02 làn dừng khẩn cấp $B = 2 \times 3\text{m}$; $B_{lề\ đất} = 2 \times 0,75\text{m}$; Dải phân cách $B = 0,75\text{m}$; Bề rộng dải an toàn giữa $B_{at} = 2 \times 1\text{m}$).

b. Đường ngang:

Bề rộng nền đường theo quy hoạch.

c. Đường gom:

Bề rộng nền đường $B_{nền} = 5\text{m}$; bề rộng mặt đường $B_{mặt} = 3,5\text{m}$; lề đường $B_{lề\ đất} = (2 \times 0,75)\text{m} = 1,5\text{m}$.

d. Đường hoàn trả:

Bề rộng nền đường theo hiện trạng.

1.1.1.6.4. Nền đường

- Đảm bảo yêu cầu về độ chặt và khả năng chịu tải của đất nền theo tiêu chuẩn áp dụng cho đường ô tô cao tốc. Trước khi đắp nền đường thực hiện việc đào bỏ lớp đất không thích hợp và đánh cấp (nếu có); Đối với các đoạn đào sâu, đắp cao, nền đường được xây dựng hoàn chỉnh theo quy mô quy hoạch kết hợp với gia cố mái ta luy bảo đảm ổn định lâu dài.

- Xử lý nền đất yếu (nếu có): Áp dụng các giải pháp xử lý nền đất yếu bằng vải địa kỹ thuật, thay đất, thay đất kết hợp đóng cọc tre/cừ tràm hoặc sử dụng các giải pháp thoát nước thẳng đứng và các giải pháp khác, bảo đảm kinh tế - kỹ thuật.

1.1.1.6.5. Mặt đường

a) Tuyến chính: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 180 \text{MPa}$.

b) Các nhánh nút giao liên thông: Mặt đường cấp cao A1, mô đun đàn hồi $E_{yc} \geq 160 \text{Mpa}$.

c) Đường ngang: Mặt đường cấp cao A1, lớp mặt bằng bê tông nhựa chặt, rải nóng trên các lớp móng đảm bảo mô đun đàn hồi yêu cầu theo cấp đường.

d) Đường ngang, đường gom, đường hoàn trả: Mặt đường bằng bê tông nhựa, láng nhựa hoặc bê tông xi măng phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

1.1.1.6.6. Thiết kế nút giao

Nút giao Tân Quang (IC01) tại Km104+295; Nút giao Vị Xuyên (IC02) tại Km128+067; Nút giao Hà Giang (IC03) tại Km144+236; Nút giao Thanh Thủy (IC04) tại Km162+164.

Thiết kế lối lên xuống cao tốc tại Km149+300.

1.1.1.6.7. Công trình cầu

- Cầu vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DU'L.

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu: Thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823-1:2017 ÷ TCVN 11823-14:2017.

- Tải trọng thiết kế: Hoạt tải xe ô tô thiết kế HL - 93.

a) Mặt cắt ngang cầu.

- Bề rộng cầu $B_{\text{cầu}} = 25,25 \text{m}$.

b) Kết cấu phần trên: Sử dụng dầm BTCT dự ứng lực đúc sẵn (dầm bản, dầm I, dầm Super-T và các loại dầm khác) hoặc dầm hộp BTCT dự ứng lực thi công bằng phương pháp đúc hẫng cân bằng.

c) Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT hoặc BTCT dự ứng lực trên hệ móng cọc BTCT.

1.1.1.6.8. Hệ thống thoát nước

- Hệ thống thoát nước ngang: Xây dựng mới hệ thống thoát nước ngang bảo đảm thoát nước và phục vụ thủy lợi.

- Hệ thống thoát nước dọc: Xây dựng mới hệ thống rãnh dọc, rãnh biên, rãnh đỉnh, bậc nước... bảo đảm thoát nước nền, mặt đường.

- Hoàn trả kênh, mương đối với các đoạn tuyến đi trùng với hệ thống kênh,

mương hiện hữu.

1.1.1.6.9. Chiều sáng trên đường cao tốc:

- Bố trí tại các nút giao và các công trình cầu chiều dài lớn có yêu cầu thiết kế cảnh quan.

1.1.1.6.10. Các công trình phục vụ khai thác

- Hệ thống giao thông thông minh (ITS).
- Trạm dừng nghỉ: Dự kiến bố trí 01 trạm dừng nghỉ thuộc Dự án tại khoảng lý trình Km120+00.
- Trạm thu phí: Dự kiến bố trí 01 trạm trên tuyến chính tại khoảng lý trình Km156+500.

1.1.1.6.11. Các công trình khác

- Đường gom, đường hoàn trả: Xây dựng hệ thống đường gom, đường hoàn trả hai bên tuyến; phạm vi, chiều dài đường gom phù hợp theo thỏa thuận với địa phương và sẽ xác định chính xác trong bước tiếp theo.
- Hệ thống an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.
- Công trình phòng hộ: Đối với đoạn thông thường, gia cố bằng trồng cỏ; đối với các đoạn nền đào sâu, đắp cao, đắp trên bãi sông, mái ta luy được gia cố bằng tường chắn, khung bê tông, đá học xây,... bảo đảm ổn định công trình.
- Hàng rào: Bố trí hàng rào bảo vệ dọc theo hai bên tuyến.

III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Hồ sơ giao nộp:

- Các tài liệu thu thập và điều tra khảo sát, ảnh chụp, file mềm trên đĩa CD/USB và trên web: photo.google.com; vị trí cầu trên bản đồ maps.google.com; các tài liệu kiểm định, máy thiết bị.

- Các hồ sơ khảo sát: địa hình; thủy văn; địa chất công trình; vật liệu và bãi đổ vật liệu thải; các tài liệu khảo sát các công trình liên quan đến tuyến; hoàn thiện thông tin trong phiếu điều tra.

- Hồ sơ lập báo cáo NCKT: Thuyết minh dự án; Bản vẽ tuyến: Bình đồ khu vực, bình đồ tuyến, trắc dọc, trắc ngang, công trình thoát nước và các công trình phụ trợ trên tuyến; Tập khối lượng chi tiết và biểu tổng hợp khối lượng; dự toán xây dựng công trình và các tài liệu khác có liên quan.

- Hồ sơ cấm cọc GPMB và mốc lộ giới: Thuyết minh cấm cọc GPMB, Bản vẽ điển hình: Quy mô, phạm vi cấm cọc GPMB, quy cách cọc, Bình đồ thể hiện vị trí cấm cọc GPMB, tỷ lệ 1/1.000, trong khổ giấy A3, Bảng thống kê số lượng cọc các loại và tọa độ cọc.

- Quy định về thành phần Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án:

- + Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (báo gồm cả TMĐT)
- + Các bản vẽ thiết kế cơ sở, thuyết minh thiết kế cơ sở;
- + Các biên bản thỏa thuận liên quan.

-. Quy định về quy cách hồ sơ bàn giao:

Hồ sơ bàn giao ngoài bản giấy theo số lượng yêu cầu phải kèm theo toàn bộ các file dữ liệu gồm:

- + File thuyết minh (định dạng MS Word)
- + File bản vẽ được phê duyệt (định dạng file: *.dwg và *.pdf).
- + File tổng mức đầu tư (định dạng MS excell).
- + Các biên bản thỏa thuận liên quan (định dạng *.pdf)
- + File bản vẽ và thuyết minh báo cáo khảo sát (dạng file: *.dwg và *.pdf) và các biểu mẫu thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất, đá có dấu LAS của phòng thí nghiệm chuyên ngành hợp chuẩn, các biên bản nghiệm thu khảo sát hiện trường, biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác khảo sát hiện trường, biên bản nghiệm thu hồ sơ khảo sát và file số liệu đo đạc địa hình xuất trực tiếp từ thiết bị đo đạc.
- + Đĩa CD hoặc USB ghi toàn bộ nội dung giao nộp.

2. Thời gian thực hiện: 120 ngày.

IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; nhân sự bố trí cho các gói thầu phải đảm bảo các yêu cầu đã nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, trường hợp bắt buộc thay thế nhân sự thì nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc hơn nhân sự bị thay thế và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

- Liên hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để việc thực hiện gói thầu được thuận lợi.
- Cung cấp thông tin, tư liệu (nếu có) cho nhà thầu tư vấn khi nhà thầu yêu cầu trong thời gian thực hiện hợp đồng.
- Tổ chức các cuộc họp để đơn vị tư vấn báo cáo tiến độ triển khai gói thầu.
- Cùng nhà thầu báo cáo, trình duyệt hồ sơ lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện.

VI. HƯỚNG DẪN VỀ CÁC TÀI LIỆU NỘP KÈM E-HSDT

1) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ

- Giấy ủy quyền (Trường hợp ủy quyền ký E-HSDT).
- Thỏa thuận liên danh (Trường hợp liên danh).
- + Thỏa thuận liên danh phải thể hiện rõ nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị

công việc được phân công;

+ Từng thành viên trong liên danh phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị công việc được phân công.

2) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực

- Hồ sơ hợp đồng, bao gồm: Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có). Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản thanh lý hoặc tương đương để xác nhận hoàn thành hợp đồng có xác nhận của chủ đầu tư (chứng minh việc hoàn thành).

- Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ (Trường hợp thuê thầu phụ):

+ Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ phải thể hiện rõ nội dung và giá trị công việc phân công cho nhà thầu phụ.

+ Nhà thầu phụ phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và giá trị công việc được phân công.

3) Giải pháp và phương pháp luận

4) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực của Nhân sự chủ chốt: Hợp đồng lao động hoặc thuê mướn. Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận (nếu có yêu cầu). Xác nhận của chủ đầu tư về nhân sự thực hiện hợp đồng. Tài liệu pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh năng lực.

5) Tài liệu chứng minh năng lực Máy móc, trang thiết bị: Hóa đơn mua bán, phiếu kiểm định còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu (đối những máy móc phải có kiểm định trước khi sử dụng), hợp đồng nguyên tắc thuê mướn (trường hợp đi thuê), chứng nhận bản quyền (đối với các phần mềm).